

Số: 83/2026/QĐ-UBND

Gia Lai, ngày 31 tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường trên địa bàn tỉnh Gia Lai

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật An toàn thông tin mạng số 86/2015/QH13;

Căn cứ Luật Tiếp cận thông tin số 104/2016/QH13;

Căn cứ Luật Lưu trữ số 33/2024/QH15;

Căn cứ Luật Bảo vệ bí mật nhà nước số 117/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 73/2017/NĐ-CP của Chính phủ về thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường;

Căn cứ Nghị định số 278/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về kết nối, chia sẻ dữ liệu bắt buộc giữa các cơ quan thuộc hệ thống chính trị;

Căn cứ Nghị định số 22/2023/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường;

Căn cứ Thông tư số 03/2022/TT-BTNMT của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật và Định mức kinh tế - kỹ thuật về công tác thu nhận, lưu trữ, bảo quản và cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường;

Căn cứ Thông tư 02/2025/TT-BNNMT của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành quy định thời hạn lưu trữ hồ sơ, tài liệu lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; kết quả thẩm định của Sở Tư pháp, ý kiến thống nhất của Thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh tại Thông báo số 419/TB-UBND ngày 31 tháng 5 năm 2026 và Kết luận số 387-KL/ĐU ngày 31 tháng 5 năm 2026 của Ban Thường vụ Đảng ủy UBND tỉnh;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành Quy chế thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 31 tháng 5 năm 2026.

Các Quyết định sau hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành:

1. Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND ngày 18 tháng 9 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai ban hành Quy chế thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

2. Quyết định số 71/2022/QĐ-UBND ngày 03 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định được sửa đổi, bổ sung Điều 6 của Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 09/2020/QĐ-UBND.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *nh*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Vụ PC - Bộ NNMT;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UB MTTQ Việt Nam tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- CVP, PVP TH, NN, XD;
- Phòng: NNMT; TTPVHCC;
- Lưu: VT, N4. *nh*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Tuấn Thanh



QUY CHẾ

Thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường trên địa bàn tỉnh Gia Lai
(Ban hành kèm theo Quyết định số 83/2026/QĐ-UBND)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu về nông nghiệp; lâm nghiệp; diêm nghiệp; thủy sản; thủy lợi; phòng, chống thiên tai; phát triển nông thôn; đất đai; tài nguyên nước; tài nguyên khoáng sản, địa chất; môi trường; khí tượng thủy văn; biến đổi khí hậu; đo đạc và bản đồ; quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển và hải đảo; viễn thám (sau đây gọi là thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường); cơ chế phối hợp, kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường; trách nhiệm và quyền hạn của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Quy chế này áp dụng đối với cơ quan quản lý Nhà nước về nông nghiệp và môi trường, các tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

2. Quy chế này không áp dụng đối với thông tin, dữ liệu thuộc phạm vi bí mật nhà nước ngành nông nghiệp và môi trường. Việc chia sẻ thông tin, dữ liệu thuộc phạm vi bí mật nhà nước được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Các nội dung không quy định tại Quy chế này thì thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 3. Thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường

Thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường phải là các thông tin, dữ liệu, hồ sơ, tài liệu được thu thập và lưu trữ theo đúng quy định. Thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường bao gồm các hồ sơ, tài liệu được quy định tại Điều 3 Thông tư 02/2025/TT-BNNMT quy định thời hạn lưu trữ hồ sơ, tài liệu lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.

Điều 4. Nguyên tắc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường

Việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường phải tuân theo các nguyên tắc sau đây:

1. Bảo đảm tính chính xác, trung thực, khoa học, khách quan và kế thừa.
2. Tập hợp, quản lý được đầy đủ các nguồn thông tin, dữ liệu của các cơ quan, tổ chức, cá nhân.
3. Thu thập dữ liệu, tài liệu là bản gốc, bản chính hoặc bản sao hợp pháp (trong trường hợp không còn bản gốc, bản chính); dữ liệu được thu thập phải bảo đảm việc xác thực và lưu trữ, bảo quản đáp ứng yêu cầu sử dụng lâu dài, thuận tiện.
4. Tổ chức có hệ thống phục vụ thuận tiện khai thác và sử dụng, phát huy hiệu quả, tiết kiệm chung cho xã hội, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia.
5. Được công bố công khai và được quyền tiếp cận theo quy định của Luật Tiếp cận thông tin trừ các thông tin, dữ liệu thuộc về bí mật nhà nước và hạn chế sử dụng.
6. Phục vụ kịp thời công tác quản lý nhà nước, đáp ứng yêu cầu của phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh.
7. Sử dụng đúng mục đích, phải trích dẫn nguồn và tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước, sở hữu trí tuệ.
8. Khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu phải thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Kinh phí thu thập, xử lý thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường

1. Kinh phí thu thập, xử lý, tổ chức quản lý thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường, xây dựng, cập nhật, vận hành cơ sở dữ liệu về nông nghiệp và môi trường do Nhà nước quản lý được ngân sách nhà nước đảm bảo theo quy định của pháp luật.
2. Hàng năm, Sở Nông nghiệp và Môi trường phối hợp với các đơn vị có liên quan lập dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ thu thập, xử lý thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.
3. Phí khai thác thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường thực hiện theo quy định pháp luật về phí và lệ phí và các quy định khác có liên quan.

Chương II

THU THẬP THÔNG TIN, DỮ LIỆU NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Điều 6. Lập, phê duyệt kế hoạch điều tra, thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường; thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường

1. Nguyên tắc lập kế hoạch thu nhận thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường: Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Thông tư số 03/2022/TT-BTNMT ban hành Quy định kỹ thuật và Định mức kinh tế - kỹ thuật về công tác thu nhận, lưu trữ, bảo quản và cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường.

2. Căn cứ lập kế hoạch và các nội dung cơ bản của kế hoạch thu nhận thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường: Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Thông tư số 03/2022/TT-BTNMT.

Điều 7. Thực hiện kế hoạch điều tra, thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường; thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch điều tra, thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường; thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường hàng năm.

2. Quy trình thu thập thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường: Thực hiện theo quy định tại Điều 29 Thông tư số 03/2022/TT-BTNMT.

3. Quy trình tiếp nhận thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường: Thực hiện theo Điều 30 Thông tư số 03/2022/TT-BTNMT.

4. Các cơ quan đang lưu trữ, bảo quản thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường có trách nhiệm cung cấp thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường cho cơ quan quản lý thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường.

Điều 8. Hình thức và thời gian thu nhận thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường

1. Hình thức thu nhận thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Thông tư số 03/2022/TT-BTNMT.

2. Giao nộp thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường:

a) Cơ quan, tổ chức, cá nhân có thông tin dữ liệu nông nghiệp và môi trường được thu thập, tạo lập bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước hoặc có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước hoặc tạo ra trong quá trình hoạt động thực hiện nhiệm vụ có trách nhiệm giao nộp cho các cơ quan quản lý thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường theo quy định của pháp luật.

b) Thông tin, dữ liệu giao nộp phải là các bản chính, bản gốc; trong trường hợp không còn bản chính, bản gốc thì được thay thế bằng bản sao hợp pháp.

Thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường khi giao nhận phải được lập thành biên bản theo Mẫu BM.01 Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 03/2022/TT-BTNMT và lưu vào hồ sơ theo quy định.

c) Thời gian thực hiện giao nộp thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường

- Cơ quan, tổ chức, cá nhân quy định tại điểm a khoản 2 Điều này thực hiện nhiệm vụ, dự án về nông nghiệp và môi trường trong thời hạn không quá 30 ngày kể từ ngày được cơ quan có thẩm quyền nghiệm thu, phê duyệt, công bố hoặc công nhận kết quả hoàn thành nhiệm vụ, dự án có trách nhiệm giao nộp một (01)

bộ dạng điện tử và một (01) bộ gốc in trên giấy để lưu trữ theo đúng chuẩn thông tin, dữ liệu chuyên môn được Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định.

- Thông tin, dữ liệu hình thành phổ biến trong hoạt động của cơ quan, tổ chức: Trong thời hạn 01 năm, kể từ ngày công việc kết thúc; trong thời hạn 03 tháng, kể từ ngày công trình được quyết toán đối với hồ sơ, tài liệu xây dựng cơ bản. Trường hợp có quy định khác thực hiện theo quy định của cơ quan Trung ương chuyên ngành.

- Trường hợp cơ quan, tổ chức, cá nhân có nhu cầu giữ lại thông tin, dữ liệu đã đến hạn giao nộp để phục vụ cho công việc thì phải được người đứng đầu cơ quan, tổ chức quản lý dữ liệu đồng ý và lập danh mục thông tin, dữ liệu giữ lại gửi cho cơ quan quản lý thông tin, dữ liệu. Thời gian giữ lại không vượt quá 02 năm kể từ ngày đến hạn giao nộp.

3. Thu thập thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường

a) Thu thập, cập nhật dữ liệu đặc tả về thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường tại các cơ quan, tổ chức đang lưu trữ, bảo quản.

b) Nội dung dữ liệu đặc tả quy định chi tiết tại Mục 2 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 03/2022/TT-BTNMT.

Điều 9. Kiểm tra, đánh giá, xử lý dữ liệu

1. Thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường sau khi thu thập phải được phân loại, tổng hợp, đánh giá, xử lý. Việc kiểm tra, đánh giá, xử lý dữ liệu phải tuân theo các quy định, quy phạm, quy chuẩn kỹ thuật chuyên ngành đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành, phê duyệt.

2. Văn phòng Đăng ký đất đai thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm kiểm tra, đánh giá, xử lý thông tin, dữ liệu và chịu trách nhiệm về tính chính xác của dữ liệu nông nghiệp và môi trường cấp tỉnh.

3. Các Sở, ban, ngành, cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm kiểm tra, đánh giá, xử lý dữ liệu nông nghiệp và môi trường của mình quản lý.

4. UBND các xã, phường có trách nhiệm kiểm tra, đánh giá, xử lý và chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường các xã, phường.

Chương III

TỔ CHỨC, QUẢN LÝ THÔNG TIN, DỮ LIỆU NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Điều 10. Bảo quản, lưu trữ và tu bổ thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường

1. Công tác bảo quản, lưu trữ và tu bổ thực hiện theo đúng quy định tại Luật Lưu trữ số 33/2024/QH15 và các văn bản hướng dẫn nhằm tạo ra các điều kiện tốt nhất để bảo đảm an toàn và kéo dài tuổi thọ cho tài liệu, nhằm phục vụ được tốt các yêu cầu khai thác, sử dụng tài liệu.

2. Văn phòng Đăng ký đất đai thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm lưu trữ, bảo quản, tu bổ, cung cấp thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường trên địa bàn tỉnh.

3. Ủy ban nhân dân các xã, phường chỉ đạo quản lý thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường trên địa bàn mình quản lý.

Điều 11. Xây dựng cơ sở dữ liệu nông nghiệp và môi trường.

1. Cơ sở dữ liệu nông nghiệp và môi trường là tập hợp toàn bộ các thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường đã được kiểm tra, đánh giá và tổ chức quản lý, lưu trữ một cách có hệ thống được xây dựng, cập nhật và duy trì phục vụ quản lý nhà nước và các hoạt động kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh, nghiên cứu khoa học, giáo dục đào tạo và nâng cao dân trí do Sở Nông nghiệp và Môi trường xây dựng, lưu trữ, quản lý.

2. Cơ sở dữ liệu nông nghiệp và môi trường được xây dựng phù hợp với khung kiến trúc tổng thể công nghệ thông tin ngành nông nghiệp và môi trường và được tích hợp vào kho dữ liệu dùng chung của tỉnh; đồng thời phải phù hợp với khung kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam.

3. Cơ sở dữ liệu nông nghiệp và môi trường được xây dựng và kết nối, chia sẻ trên môi trường điện tử phục vụ quản lý, khai thác, cung cấp, sử dụng thông tin, dữ liệu thuận tiện, hiệu quả.

4. Cơ sở dữ liệu phải đáp ứng khung cơ sở dữ liệu, các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về công nghệ thông tin và chuyên ngành nông nghiệp môi trường.

5. Cơ sở dữ liệu nông nghiệp và môi trường theo phân cấp về việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường bao gồm:

a) Cơ sở dữ liệu nông nghiệp và môi trường cấp tỉnh do Sở Nông nghiệp và Môi trường xây dựng, lưu trữ, quản lý;

b) Cơ sở dữ liệu nông nghiệp và môi trường cấp xã do Ủy ban nhân dân các xã, phường xây dựng, lưu trữ, quản lý.

Điều 12. Vận hành, cập nhật cơ sở dữ liệu nông nghiệp và môi trường

Việc vận hành, cập nhật cơ sở dữ liệu nông nghiệp và môi trường, Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm

1. Xây dựng các quy trình nghiệp vụ, kiểm soát để vận hành, duy trì cơ sở dữ liệu nông nghiệp và môi trường.

2. Xây dựng kế hoạch, bố trí kinh phí bảo đảm thường xuyên, liên tục, định kỳ cập nhật nội dung cơ sở dữ liệu nông nghiệp và môi trường.

3. Xây dựng và thực hiện các giải pháp đồng bộ bảo đảm cơ sở dữ liệu có hiệu suất vận hành và sẵn sàng đáp ứng cao.

4. Xây dựng và thực hiện các giải pháp về sao lưu, dự phòng bảo đảm tính nguyên vẹn, an toàn của cơ sở dữ liệu. Trong trường hợp thông tin, dữ liệu nông

nghiệp và môi trường hư hỏng, bị phá hủy do các hành vi trái phép phải có cơ chế bảo đảm phục hồi được thông tin, dữ liệu.

5. Việc xây dựng, quản lý, vận hành, khai thác hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành cụ thể thực hiện theo quy định của pháp luật đối với hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu.

Điều 13. Quản lý tài liệu lưu trữ điện tử về nông nghiệp và môi trường

Việc quản lý tài liệu lưu trữ điện tử về nông nghiệp và môi trường trên địa bàn tỉnh thực hiện theo quy định tại Chương III, Phần II, Thông tư số 03/2022/TT-BTNMT.

Điều 14. Thời hạn lưu giữ, bảo quản dữ liệu

1. Thời hạn lưu giữ, bảo quản thông tin, dữ liệu được xác lập đối với từng loại thông tin, dữ liệu theo quy định tại Thông tư 02/2025/TT-BNNMT và các quy định khác của pháp luật hiện hành về lưu trữ.

2. Cơ quan quản lý thông tin, dữ liệu có trách nhiệm thống kê các loại thông tin, dữ liệu hết giá trị sử dụng trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, giải quyết tiêu hủy thông tin, dữ liệu. Việc tiêu hủy thông tin, dữ liệu hết giá trị được thực hiện theo quy định của Luật Lưu trữ và các quy định chuyên ngành.

Chương IV

**KHAI THÁC VÀ SỬ DỤNG THÔNG TIN, DỮ LIỆU
NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG**

Điều 15. Công bố danh mục thông tin dữ liệu nông nghiệp và môi trường

1. Danh mục thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường được công bố trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai và trang thông tin điện tử của Sở Nông nghiệp và Môi trường, nhằm phục vụ cho cộng đồng và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Gia Lai. Việc công bố danh mục thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường phải tuân thủ theo các quy định về bảo vệ bí mật nhà nước trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường và theo quy định của pháp luật về tiếp cận thông tin.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh công bố danh mục thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường trên địa bàn tỉnh.

Điều 16. Hình thức cung cấp, khai thác thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường

Việc cung cấp, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường thực hiện theo các quy định tại Điều 16, Điều 17, Điều 18, Điều 19 Nghị định số 73/2017/NĐ-CP và Điều 28 Thông tư số 03/2022/TT-BTNMT.

Điều 17. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường

1. Tuân thủ các nguyên tắc khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu quy định tại Điều 4 Quy chế này.
2. Không được chuyển thông tin, dữ liệu cho bên thứ ba sử dụng trừ trường hợp được thỏa thuận trong hợp đồng với cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin, dữ liệu.
3. Không được làm sai lệch thông tin, dữ liệu đã được cung cấp để sử dụng.
4. Trả kinh phí khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu theo quy định pháp luật hiện hành.
5. Tuân thủ quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ.
6. Thông báo kịp thời cho cơ quan quản lý thông tin, dữ liệu về những sai sót của thông tin, dữ liệu đã cung cấp.
7. Việc giải quyết khiếu nại, tố cáo về thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường thực hiện theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

Chương V

KẾT NỐI CHIA SẺ THÔNG TIN, DỮ LIỆU NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TRÊN MÔI TRƯỜNG ĐIỆN TỬ

Điều 18. Nguyên tắc kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường giữa các sở, ngành và Ủy ban nhân dân các xã, phường

Kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu, cơ sở dữ liệu nông nghiệp và môi trường giữa các sở, ngành và Ủy ban nhân dân các xã, phường; giữa các cơ quan quản lý thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường và giữa các cơ quan, tổ chức có liên quan trên nguyên tắc:

1. Kết nối, chia sẻ, sử dụng thông tin, dữ liệu, cơ sở dữ liệu nông nghiệp và môi trường theo quy định của pháp luật.
2. Bảo đảm việc tiếp cận thông tin, dữ liệu, cơ sở dữ liệu nông nghiệp và môi trường phục vụ kịp thời cho việc đánh giá, dự báo, hoạch định chiến lược, chính sách, xây dựng kế hoạch, tăng cường hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước và đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh.
3. Bảo đảm việc trao đổi, cung cấp thông tin, dữ liệu, cơ sở dữ liệu được thông suốt, kịp thời, đáp ứng các yêu cầu về an toàn, an ninh thông tin.

Điều 19. Phối hợp kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu giữa các cơ sở dữ liệu nông nghiệp và môi trường

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường trong việc xây dựng quy trình, quy định kết nối, chia sẻ, sử dụng thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường đảm bảo theo quy định tại Nghị định số 278/2025/NĐ-CP quy định về kết nối, chia sẻ dữ liệu bắt buộc giữa các cơ quan thuộc hệ thống chính trị;

hướng dẫn kiểm tra việc thực hiện kết nối, chia sẻ, sử dụng thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường trên môi trường điện tử.

2. Các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường, cơ quan quản lý thông tin, dữ liệu trong phạm vi quản lý liên quan đến thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường có trách nhiệm kết nối, chia sẻ, thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường trên môi trường điện tử theo quy định của pháp luật.

Chương VI

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TRONG VIỆC THU THẬP, QUẢN LÝ, KHAI THÁC VÀ SỬ DỤNG THÔNG TIN, DỮ LIỆU NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Điều 20. Trách nhiệm quản lý nhà nước về thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Tham mưu giúp UBND tỉnh thực hiện quản lý nhà nước về thu thập, quản lý, lưu trữ, cung cấp và sử dụng nguồn thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường ở địa phương.

b) Hàng năm, chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các xã, phường lập và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch điều tra, thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường trên địa bàn tỉnh.

c) Chỉ đạo Văn phòng Đăng ký đất đai thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức thực hiện thu thập, đánh giá, quản lý, lưu trữ, công bố, khai thác và sử dụng thông tin dữ liệu nông nghiệp và môi trường; Tổ chức, quản lý thông tin, dữ liệu trên môi trường điện tử; Xây dựng, vận hành cơ sở dữ liệu, cổng thông tin nông nghiệp và môi trường phục vụ lưu trữ, trao đổi, chia sẻ thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường giữa các cơ sở dữ liệu trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

d) Ứng dụng công nghệ thông tin, tổ chức tích hợp thông tin, dữ liệu và các ứng dụng nhằm phục vụ các cơ quan, tổ chức, cá nhân khai thác hiệu quả, gia tăng giá trị của thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường.

đ) Lưu trữ, bảo quản, cung cấp thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường tại Văn phòng Đăng ký đất đai thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

e) Định kỳ hàng năm gửi báo cáo về công tác thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường cho Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

g) Lập và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt danh mục thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường của tỉnh và tổ chức công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh và trang thông tin điện tử của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

h) Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh kiểm tra, xem xét, xử lý các đơn vị, tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định về thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường trên địa bàn tỉnh.

2. Sở Khoa học và Công nghệ

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường đảm bảo hạ tầng công nghệ thông tin để hỗ trợ quản lý, duy trì, lưu trữ cơ sở dữ liệu nông nghiệp và môi trường hoạt động liên tục, hiệu quả.

3. Sở Tài chính

Trên cơ sở đề xuất kinh phí của Sở Nông nghiệp và Môi trường và các cơ quan đơn vị có liên quan, căn cứ vào khả năng cân đối ngân sách, tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.

4. Các Sở, ban, ngành

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường lập kế hoạch điều tra, thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường trên địa bàn tỉnh trong lĩnh vực phụ trách; giao nộp cho Sở Nông nghiệp và Môi trường (qua Văn phòng Đăng ký đất đai) 01 (một) bộ dữ liệu liên quan đến lĩnh vực nông nghiệp và môi trường đúng theo chuẩn dữ liệu chuyên môn đã được Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành.

5. Ủy ban nhân dân các xã, phường

a) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường trong việc lập và tổ chức thực hiện kế hoạch điều tra, thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường trên địa bàn quản lý hàng năm.

b) Chỉ đạo thu thập, phân loại, đánh giá, xử lý thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường trên địa bàn quản lý; cung cấp thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường cho Sở Nông nghiệp và Môi trường theo quy định.

Điều 21. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân thu thập, cung cấp thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường

1. Thông báo với Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc cung cấp thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường.

2. Tuân thủ quy định của pháp luật về thu thập, tạo lập và cung cấp thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường cho tổ chức, cá nhân có nhu cầu khai thác, sử dụng.

3. Bảo đảm tính trung thực, chính xác của thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường.

4. Định kỳ trước ngày 30 tháng 11 hàng năm gửi báo cáo về công tác thu thập, cung cấp thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường cho cơ quan quản lý dữ liệu theo phân cấp.

Chương VII**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH****Điều 22. Điều khoản chuyển tiếp**

Đối với thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường là sản phẩm của nhiệm vụ, dự án, đề án, đề tài, chương trình đã hoàn thành nhưng chưa được kiểm tra, nghiệm thu hoặc đang triển khai thực hiện bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước hoặc có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước hoặc tạo ra trong quá trình hoạt động thì tổ chức, cá nhân thực hiện phải xem xét điều kiện, điều chỉnh nội dung để tổ chức thực hiện các công việc theo quy định của Nghị định số 73/2017/NĐ-CP, Thông tư số 03/2022/TT-BTNMT, Thông tư 02/2025/TT-BNNMT và Quy chế này.

Điều 23. Tổ chức thực hiện

1. Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường chịu trách nhiệm hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này.

2. Giám đốc các Sở, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; các tổ chức, cá nhân trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Quy chế này.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, nghiên cứu, trình Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

4. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn tại Quy chế này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản mới được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế./.